

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Tập và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Trung N - thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Bích Diệp - kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 08 ngày 14/01/2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15 ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị L, sinh năm 1986, thường trú tại tổ 7, khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, Quảng Ninh, có mặt;

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981, thường trú tại tổ 7, khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, Quảng Ninh, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Uông Bí ngày 07/01/2009, đến gần đây hai bên phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã nộp đơn lên tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức M (sinh ngày 08/02/2011) và Nguyễn Đức N (sinh ngày 03/02/2015). Trong đơn ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu N và anh M trực tiếp nuôi cháu M, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị L đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L trình bày quan điểm như sau: Chị và anh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Uông Bí. Sau 10 năm chung sống, cuộc sống vợ chồng chị không còn hòa hợp, không chung quan điểm sống, gần đây tình cảm vợ chồng không còn, hai bên thường xuyên tranh cãi, chị đã cho anh M nhiều cơ hội nhưng hai bên vẫn không thể hòa hợp, quan hệ giữa mẹ chồng nàng dâu cũng không tốt, thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 12 năm 2018 là chị đi khỏi nhà chồng, hai bên ly thân, thỉnh thoảng chị mới về, chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên đề nghị tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức M (sinh ngày 08/02/2011) và Nguyễn Đức N (sinh ngày 03/02/2015).

Tại phiên tòa, sau khi thỏa thuận với anh M, chị L nhất trí nuôi cháu N và để anh M nuôi cháu M đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), nhất trí việc anh M cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 06/2019, đề nghị tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này của hai bên.

Về tài sản chung: chị L đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Tại phiên tòa, anh M trình bày: anh và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Uông Bí. Gần đây hai bên có chút trục trặc, do anh đi làm nhiều, lại hay giao lưu với bạn bè nên ít quan tâm gia đình, mẹ chồng nàng dâu cũng không được hòa thuận, từ tháng 12/2018 chị L đi khỏi nhà, thỉnh thoảng mới về, anh được biết vợ anh hiện bị bệnh nên nguyện vọng của anh là vẫn muốn vợ chồng con cái về với nhau cho gia đình hạnh phúc và cùng chữa bệnh cho chị.

Có 02 con chung là Nguyễn Đức M (sinh ngày 08/02/2011) và Nguyễn Đức N (sinh ngày 03/02/2015). Trường hợp ly hôn anh đề nghị tòa án công nhận thỏa thuận của hai bên tại phiên tòa là anh trực tiếp nuôi cháu M và chị L trực tiếp nuôi cháu N đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 06/2019.

Về tài sản chung: anh M đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2019, cháu M trình bày trong thời gian bố mẹ ly thân thì cháu ở với bố, cháu chung sống với bố nên bố quan tâm cháu nhiều hơn, trường hợp bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn ở với bố vì cháu không muốn về quê ngoại ở.

Tại biên bản xác M ngày 11/4/2019 tại khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đại diện địa phương là ông Hoàng Văn D, khu trưởng khu 2 cung cấp thông tin như sau: chị L và anh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, quá trình chung sống không cãi vã to tiếng ảnh hưởng gì đến làng xóm, thời gian gần đây theo địa phương được biết thì hai bên nảy sinh mâu thuẫn nên chị L nộp đơn ly hôn đến tòa án, địa phương đề nghị tòa giải quyết theo pháp luật. Hai cháu M và N hiện ở với bố, sức khỏe bình thường, sinh hoạt ổn định. Anh M hiện công tác tại

Công ty than Uông Bí – TKV, còn chị L gần đây ít thấy ở nhà, nghe nói chị ra ngoài đi làm tự do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

- + Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

- + Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên tại phiên tòa về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn;

- + Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận nên không đề cập.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi về chung sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, sau khi phát sinh mâu thuẫn chị L đã đi khỏi nhà chồng ra ngoài làm tự do, thỉnh thoảng mới về, hai bên ly thân từ giai đoạn tháng 12/2018 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ thật sự đạt được khi xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng chị L và anh M đã không làm được điều này, hai anh chị ly thân đến nay đã khoảng nửa năm, quá trình giải quyết vụ án tòa án đã mời hai bên lên làm việc, hòa giải, nhưng hai bên vẫn không thể tìm được tiếng nói chung, anh M không đồng ý ly hôn, đề nghị hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng từ khi tòa án thụ lý giải quyết đến nay anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên.

Tại phiên tòa này chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thật sự sâu sắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức M (sinh ngày 08/02/2011) và Nguyễn Đức N (sinh ngày 03/02/2015).

Tại phiên tòa hai đương sự nhất trí giao cháu M cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh M cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 06/2019, xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của các đương sự về vấn đề con chung: chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức N (sinh ngày 03/02/2015) và anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức M (sinh ngày 08/02/2011) kể từ ngày bản án này của tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh M cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 06/2019.

Sau khi ly hôn hai bên đương sự vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Anh M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng. Chị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000694 ngày 14/01/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Hai đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi gửi:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Quang Trung;
- VKSND Tp. Uông Bí;
- Chi cục THADS Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thanh Hải

